

Bản án số: 75/2018/HC-PT

Ngày 29 tháng 5 năm 2018

V/v Khiếu kiện quyết định giải
quyết tranh chấp đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Phước Thanh**

Các thẩm phán: Ông **Trương Minh Tuấn**

Ông **Võ Ngọc Thông**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Ngọc Đức**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Thọ Định**, Kiểm sát viên cao cấp.

Vào ngày 29 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 82/2017/TLPT-HC ngày 22/11/2017 về việc “*Khiếu kiện Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai*”. Do bản án hành chính sơ thẩm số 36/2017/HC-ST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 82B/2018/QĐ-PT ngày 10 - 5 - 2018, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông **Nguyễn Văn O**, sinh năm 1937; địa chỉ: xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn P**; địa chỉ: xã X, huyện C. tỉnh Đồng Nai (*Văn bản ủy quyền ngày 11/3/2018*) - Có mặt.

2. *Người bị kiện:*

2.1. **Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.** Địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi - Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông **Phí Quang H** - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi - Vắng mặt.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Quảng Ngãi. Địa chỉ: huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Phạm Thị H** - Phó Chủ tịch UBND huyện L (*Văn bản ủy quyền ngày 13/3/2018*) - Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967 và bà **Lê Thị H1**, sinh năm 1970.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị H1: Ông **Nguyễn Văn T** (*Văn bản ủy quyền ngày 07/6/2017*) - Có mặt.

Cùng địa chỉ: huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.

3.2. Bà Dương Thị Đ, sinh năm 1944. Địa chỉ: xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị Đ: Ông **Nguyễn Văn P**; địa chỉ: xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai (*Văn bản ủy quyền ngày 07/6/2017*).

3.3. Ông Nguyễn T, sinh năm 1948 - Vắng mặt.

3.4. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1950 - Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN THẤY:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/3/2017 và quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện là ông Nguyễn Văn O trình bày:

Thửa đất số 455, tờ bản đồ số 16 xã A, huyện L, diện tích 225,1m² có nguồn gốc của ông, bà tạo lập (có trích lục của chế độ cũ) để lại cho cha, mẹ Ông là cụ Nguyễn P (chết năm 1997) và cụ Trần Thị S (chết năm 2002). Ngày 14/01/1997, cha mẹ Ông lập “*Giấy giao tự đường*” cho Ông và vợ là bà Dương Thị Đ có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã L. Do gia đình Ông đang sinh sống tại Đồng Nai nên tạm thời giao lại cho vợ chồng em trai Ông là ông Nguyễn T và vợ là bà Nguyễn Thị P quản lý nhà, đất thờ phụng ông bà. Năm 2004, Nhà nước có chủ trương cho người dân làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên ngày 25/8/2004, ông Nguyễn T viết “*Giấy giao quyền sở hữu xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” lại cho vợ chồng Ông, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã A. Năm 2005, ông Nguyễn Văn T chiếm giữ, sử dụng một phần thửa đất nêu trên nên Ông tranh chấp với ông T từ đó đến nay. Ông T không có bất cứ giấy tờ gì để chứng minh là người khai phá, sử dụng đất hợp pháp đối với thửa đất trên nhưng lại được Ủy ban nhân dân huyện L công nhận quyền sử dụng đất là không đúng pháp luật nên ông gửi đơn tranh chấp đất với

ông T. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 453/QĐ-UBND ngày 05/6/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L giải quyết bác đơn khiếu nại của ông.

Ngày 03/7/2015, Ông khiếu nại Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện L. Tại Văn bản số 3970/UBND-TCD ngày 07/8/2015, Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện L có trách nhiệm thu hồi hoặc hủy bỏ Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 với lý do: Nội dung của vụ việc là tranh chấp đất đai nhưng tại Quyết định số 453/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L lại giải quyết khiếu nại là chưa đúng quy định. Ngày 25/8/2015, Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 875/QĐ-UBND hủy bỏ Quyết định số 453/QĐ-UBND.

Ngày 18/11/2015, Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện L ban hành Quyết định số 1434/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Nguyễn Văn O với ông Nguyễn Văn T. Tại Điều 1 của Quyết định này không công nhận việc tranh chấp đất đai của Ông đối với thửa đất số 455, tờ bản đồ số 16 xã A, huyện L, diện tích 225,1 m²; công nhận cho ông Nguyễn Văn T được sử dụng thửa đất số 455, tờ bản đồ số 16 xã A, huyện L, diện tích 225,1 m² (có nguồn gốc từ việc bồi lấp lấn biển tạo thành) vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

Không đồng ý với Quyết định số 1434/QĐ-UBND của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện L. Ngày 12/12/2015, Ông tiếp tục khiếu nại Quyết định số 1434/QĐ-UBND đến Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 13/5/2016, Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 819/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn O với ông Nguyễn Văn T bác khiếu nại của Ông; Công nhận Quyết định số 1434/QĐ-UBND ngày 18/11/2015 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện L về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Nguyễn Văn O với ông Nguyễn Văn T là đúng pháp luật.

Không đồng ý với Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 13/5/2016 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và Quyết định số 1434/QĐ-UBND ngày 18/11/2015 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện L; Ông khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các quyết định nêu trên vì đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình Ông.

** Người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi và Chủ tịch UBND huyện L thống nhất trình bày:*

Không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn O và giữ nguyên Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 13/5/2016 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và Quyết định số 1434/QĐ-UBND ngày 18/11/2015 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện L bởi các căn cứ sau: Thửa đất số 455, tờ bản đồ số 16 xã A, huyện L, diện tích 225,1 m², loại đất BHK (Bản đồ VLAP đo đạc năm 2010) nguyên trước đây là mặt nước biển; trước năm 1975, gia đình ông Nguyễn P (cha ông O; ông nội

ông T) cũng như các hộ dân sinh sống dọc theo bờ biển có lấy đá kê bờ để chắn sóng, chống sạt lở. Năm 2004 khi xây dựng khu neo đậu tàu thuyền huyện L, tận dụng lượng đất thải ra ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn T (em trai ông O) san lấp phần đất phía trước nhà mình ở phía Nam đường giao thông. Sau khi san lấp phần đất trước nhà ai thì người đó sử dụng. Theo đó, ông Nguyễn T quản lý, sử dụng thửa 457, diện tích 261 m²; ông T quản lý, sử dụng thửa 455, diện tích 225,1 m², loại đất BHK, tờ bản đồ số 16 xã A.

Theo bản đồ lập theo Chỉ thị 299/TTg thì thửa đất hiện đang tranh chấp là mặt nước biển, không có số thửa thể hiện trên bản đồ. Ông Nguyễn Văn O căn cứ vào “*Giấy giao tự đường*” năm 1997 để đòi quyền sử dụng đất thửa đất số 455, tờ bản đồ số 16, xã A. Tuy nhiên, kiểm tra ranh giới thửa đất trong “*Giấy giao tự đường*” thì phía Nam giáp biển, trong khi thực tế phía Nam giáp đường giao thông đã có từ thời Pháp. Bản thân ông O cũng thừa nhận giấy giao tự đường không đúng với thực tế hiện trạng. Hơn nữa, diện tích đất đang tranh chấp nêu trên là đất BHK không phải là đất ở, nhưng từ năm 1979 đến nay, ông O không quản lý, sử dụng cũng như không tham gia san lấp mặt bằng vì ông đã đi khỏi địa phương từ năm 1979. Hiện nay ông không có hộ khẩu thường trú tại huyện L. Ông Nguyễn Văn T không có giấy tờ về nguồn gốc đất theo quy định của Luật đất đai, nhưng trên thực tế ông T là người san lấp và quản lý, sử dụng từ năm 2004. Do đó, trong quá trình giải quyết tranh chấp đất đai, Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện L và Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi công nhận cho ông Nguyễn Văn T được sử dụng thửa đất số 455, tờ bản đồ địa chính số 16 xã A, diện tích 225,1 m², loại đất BHK là đúng pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- Ông Nguyễn Văn T trình bày: Phần đất đang tranh chấp trước năm 1974 là mặt nước biển, cha Ông là Nguyễn Văn Đ (chết năm 1974) tự lấy đá kê chống sạt lở. Sau khi cha Ông chết thì Ông tiếp tục san lấp từ năm 1983 đến năm 2004 thì hình thành thửa đất như hiện nay. Quá trình san lấp cho đến khi hình thành thửa đất như hiện nay, ông Nguyễn Văn O cùng các bà con trong dòng họ không ai có ý kiến gì. Đồng thời quá trình san lấp, sử dụng chính quyền địa phương cũng không có ý kiến gì. Nay Ông yêu cầu Tòa án giữ nguyên Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 13/5/2016 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và Quyết định số 1434/QĐ-UBND ngày 18/11/2015 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện L.

- Ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị P trình bày: Cha mẹ của Ông là cụ Nguyễn P và cụ Trần Thị S lúc còn sống có lập “*Giấy giao tự đường*” gồm nhà và đất tại thôn Đông, xã A, huyện L cho vợ chồng ông Nguyễn Văn O là con trai trưởng trong gia đình, nhưng vì ông O ở xa nên giao cho vợ chồng Ông trông coi, lo hương khói cúng giỗ ông, bà. Giới cận ghi trong “*Giấy giao tự đường*” ngày 14-01-1997 là do ông Phước, bà Sớm xác định ghi theo trích lục thời Pháp khi chưa có con đường đi qua đất nhà thờ này. Ông xác định giới cận ghi như trong giấy giao tự đường ngày 14-01-

1997 là không đúng thực tế, vì lúc này đã có con đường đi qua đất nhà thờ, nên phải xác định Đông giáp đường đi. Sau khi tiếp quản nhà tù đường, Ông cải tạo mở rộng thêm diện tích lấn biển nên mới có diện tích như hiện trạng, ông Nguyễn Văn T không có công sức cải tạo gì đối với thửa đất này. Ngày 25-8-2004, vợ chồng Ông, Bà lập giấy giao quyền sở hữu xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Nguyễn Văn O, bà Dương Thị Đ tại thửa đất mà ông đã cải tạo lấn biển (nay là thửa đất số 455, 457 tờ bản đồ số 16 lập năm 2010). Nay, vợ chồng Ông, Bà không có tranh chấp gì và cũng không yêu cầu công sức tôn tạo, lấn biển đối với thửa đất nêu trên.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 36/2017/HC-ST ngày 19/9/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 3, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Khoản 1 Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

Điều 101 của Luật đất đai năm 2013; Điều 20 và khoản 1 Điều 91 Nghị định số 43/2014/ND-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật đất đai.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn O yêu cầu hủy Quyết định hành chính số 1434/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện L và Quyết định hành chính số 819/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi;

Ngoài ra bản án còn quyết định về việc miễn án phí và công bố quyền kháng cáo.

Ngày 03/10/2017, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn O có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện, hủy các Quyết định nêu trên.

Ngày 03/10/2017, người khởi kiện ông Nguyễn Văn O kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Văn O không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng: Đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghe người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo, ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Theo lời khai của ông Nguyễn Văn O thì thửa đất số 455, tờ bản đồ số 16 xã A, huyện L, diện tích 225,1 m² đang tranh chấp có nguồn gốc của ông, bà tạo lập để lại cho cha, mẹ của ông là cụ Nguyễn P (*chết năm 1997*) và cụ Trần Thị S (*chết năm 2002*). Đến ngày 14/01/1997, ông Phước và bà Sớm lập “*Giấy giao tự đường*” cho ông và vợ ông là bà Dương Thị Đ có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã L. Tuy nhiên, nội dung của “*Giấy giao tự đường*” ngày 14/01/1997 không xác định diện tích thửa đất, không xác định chiều dài tứ cạnh. Bên cạnh đó, tại lời khai của ông Nguyễn T ngày 05/9/2017 thể hiện diện tích 225,1 m², của thửa đất số 455, tờ bản đồ số 16 xã A, huyện L không nằm trong diện tích đất ông Phước và bà Sớm để lại cho ông O: “*Từ khi tiếp quản năm 1997 tôi quản lý, sử dụng, tôi cải tạo để mở rộng thêm diện tích (lấn biển) để có diện tích như ngày hôm nay*”. Do đó, lời khai của ông O cho rằng diện tích 225,1 m², của thửa đất số 455, tờ bản đồ số 16 xã A, huyện L đang tranh chấp nằm trong diện tích đất ông Phước và bà Sớm để lại cho ông O là không đủ cơ sở để tin cậy.

[2]. Theo tờ bản đồ được lập theo chỉ thị 299/TTg thì thửa đất số 455, tờ bản đồ số 16 xã A là mặt nước biển, không thể hiện đất trên bản đồ; phù hợp với lời khai của các ông Bùi Tấn N, Nguyễn C, Nguyễn Tấn Q và xác nhận của các ông Phạm D, Trương T, Trương V, Nguyễn Văn L, Dương Quang T, Nguyễn L, Đinh Văn D, Võ Văn T, Lê L, Trương Đình T và ông Dương Bá T cho rằng diện tích đất thửa đất số 455, tờ bản đồ số 16 xã A, huyện L đang tranh chấp nguyên trước đây là mặt nước biển và vào mùa mưa bão hàng năm thường bị sóng biển đánh sạt lở đến đường lộ (*mở thời Pháp*) và để hạn chế sạt lở ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn T cũng như ông Nguyễn T đổ đá, đất lấn ra biển cho đến khi có mặt bằng ranh giới như hiện nay.

[3]. Thửa đất số 455, tờ bản đồ số 16 xã A là loại đất nông nghiệp – trồng cây hàng năm khác (*Ký hiệu BHK*) nhưng ông Nguyễn Văn O đi khỏi địa phương từ năm 1997, không có hộ khẩu tại xã A, huyện L và là người không trực tiếp sử dụng đất này nên không đủ điều kiện để được công nhận quyền sử dụng đất.

Ông Nguyễn Văn T có hộ khẩu tại xã A, huyện L là người san lấp và trực tiếp quản lý, sử dụng đất tranh chấp từ năm 2004.

Vì vậy, trong quá trình giải quyết tranh chấp đất đai, Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện L và Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi không chấp nhận khiếu nại của

ông Nguyễn Văn O và công nhận cho ông Nguyễn Văn T được sử dụng thửa đất số 455, tờ bản đồ địa chính số 16 xã A, diện tích 225,1 m² là có căn cứ, đúng pháp luật. Cho nên, HĐXX cấp phúc thẩm không thể chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn O về yêu cầu hủy Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 13/5/2016 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và hủy Quyết định số 1434/QĐ-UBND ngày 18/11/2015 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện L.

[4]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông O phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên, ông O là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí hành chính phúc thẩm.

[5]. Quyết định còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1, Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn O.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 3, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Khoản 1 Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính. Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 101 của Luật đất đai năm 2013; Điều 20 và khoản 1 Điều 91 Nghị định số 43/2014/ND-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật đất đai.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn O yêu cầu hủy Quyết định hành chính số 1434/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện L và Quyết định hành chính số 819/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi;

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn O không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Phước Thanh